

Bản án số: 57/2024/DS-ST  
Ngày 22/4/2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Trang

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Rạng Đông

Ông Nguyễn Phước Lộc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tạng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

2.2. Ông Trần Minh N, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ E, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Trong thời gian quen biết với vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Minh N tôi hoàn toàn tin tưởng nên vào ngày 25/2/2020, tôi có cho vợ chồng bà T1, ông N

mượn số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, thời gian mượn là 06 tháng từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/11/2020.

Nhưng đến ngày giao trả tiền 25/11/2020 thì vợ chồng bà T1 không giao trả nhưng vẫn đóng lãi cho tôi, nay đã 04 tháng vợ chồng bà T1 không trả lãi cho tôi và cũng không chịu giao trả lại số tiền vốn gốc, tôi đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T1 giao trả lại nhưng vợ chồng bà T1 hẹn lần này đến lần khác, cố tình né tránh kéo dài cho đến nay vẫn không chịu trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh N trả cho tôi một lần số tiền vốn gốc 100.000.000đồng, tôi không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh N đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể lấy lời khai ghi nhận ý kiến của và T1, ông N được.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.*

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466, 470 BLDS năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà T1 và ông N trả cho bà T tiền nợ gốc 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh N cư trú tại P nên theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

#### **[2] Về tố tụng:**

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh N vắng mặt lần thứ hai không lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vụ án.

#### **[3] Về nội dung:**

Ngày 25/5/2020, bà Nguyễn Thị T1 viết “Giấy vay tiền” để vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 25/5/2020 đến hết ngày 25/11/2020. Ký tên người vay là Nguyễn Thị T1 và chồng là Trần Minh N (Bút lục 05).

Bà T cho rằng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T1 trả nợ nhưng vợ chồng bà T1 không trả nên khởi kiện yêu cầu Toà buộc bà T1, ông N trả nợ đã vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**[4] Xét yêu cầu của bà T nhận thấy:**

Căn cứ vào “Giấy vay tiền” ngày 25/5/2020 thể hiện việc vay tiền không có lãi suất nhưng bà T thừa nhận lãi suất hai bên thoả thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất được quy định tại Điều 470 BLDS năm 2015.

Điều 466 BLDS quy định nghĩa vụ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ...”. Theo thoả thuận vay tiền thì thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 25/5/2020 nhưng đến nay bà T1, ông N không trả nợ cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của người vay. Do đó, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông N và bà T1 phải trả nợ cho bà T.

**[5] Về án phí:** Bà T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Bà T1, ông N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà T được tính như sau: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh N.

[2] Buộc Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh N trả cho bà Nguyễn Thị Kim T nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**[3] Về án phí:**

Bà T không phải chịu án phí nên được hoàn trả 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006356, ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Bà T1, ông N phải chịu án phí dân sự 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- T.H.A DS Tp . Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Trang**